

Phụ lục I

**GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

(Kèm Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Trung ương giao					Địa phương giao					Ghi chú		
		Tổng số	Vốn ĐTP	Trong đó		Vốn sự nghiệp	Tổng số	Vốn ĐTP	Trong đó		Vốn sự nghiệp			
				Trong đó					KH năm 2022	KH năm 2021 chuyển nguồn sang năm			KH năm 2022	KH năm 2021 chuyển nguồn sang năm
				KH năm 2021 chuyển nguồn sang năm	KH năm 2022									
	Tổng số	898,432	672,411	93,080	579,331	226,021	898,432	672,411	93,080	579,331	226,021			
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	471,305	323,925		323,925	147,380	471,305	323,925		323,925	147,380			
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	265,917	213,436		213,436	52,481	265,917	213,436		213,436	52,481			
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	161,210	135,050	93,080	41,970	26,160	161,210	135,050	93,080	41,970	26,160			

Phụ lục III
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	
			Trung ương giao	Địa phương giao
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	4	4
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững			
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	4	4
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới			
	Cấp xã			
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	51.8	51.8
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	22.7	22.7
-	Tỷ lệ xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu	%	6.8	6.8